

**PHỤ LỤC 01C**  
**GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, HỘI CHẨN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)*

Áp dụng tại :

- Bệnh viện đa khoa Đôn Lương; Bệnh viện Phong Chí Linh; Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Phòng.
- Trung tâm y tế An Dương; Trung tâm y tế Kiến An; Trung tâm y tế Bình Giang; Trung tâm y tế Cẩm Giàng; Trung tâm y tế Cát Hải; Trung tâm y tế Đồ Sơn; Trung tâm y tế Dương Kinh; Trung tâm y tế Hải An; Trung tâm y tế Hải Dương; Trung tâm y tế Hồng Bàng; Trung tâm y tế Kiến Thụy; Trung tâm y tế Kim Thành; Trung tâm y tế Lê Chân; Trung tâm y tế Nam Sách; Trung tâm y tế Quân dân Y Bạch Long Vĩ; Trung tâm y tế Thanh Hà; Trung tâm y tế Thanh Miện; Trung tâm y tế Tiên Lãng; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.
- Cơ sở điều trị 2 Cộng Hiền thuộc Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Bảo nay là Trung tâm y tế Vĩnh Bảo; Cơ sở điều trị II Lam Sơn thuộc Trung tâm y tế Lê Chân.

*Đơn vị tính: đồng*

| STT       | Danh mục dịch vụ                                                                                                                                    | Mức giá  | Ghi chú  |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|
| <i>A</i>  | <i>B</i>                                                                                                                                            | <i>I</i> | <i>2</i> |
| <b>I</b>  | <b>Danh mục do quỹ BHYT thanh toán</b>                                                                                                              |          |          |
| 1         | Khám bệnh                                                                                                                                           | 41.400   |          |
| 2         | Hội chẩn để xác định ca bệnh khó (chuyên gia/ca; Chỉ áp dụng đối với trường hợp mời chuyên gia đơn vị khác đến hội chẩn tại cơ sở khám, chữa bệnh). | 208.000  |          |
| <b>II</b> | <b>Danh mục không thuộc quỹ BHYT thanh toán nhưng không phải là dịch vụ theo yêu cầu</b>                                                            |          |          |
| 1         | Khám cấp giấy chứng thương, giám định y khoa (không kể xét nghiệm, X-quang)                                                                         | 166.400  |          |
| 2         | Khám sức khỏe toàn diện lao động, lái xe, khám sức khỏe định kỳ (không kể xét nghiệm, X-quang)                                                      | 166.400  |          |
| 3         | Khám sức khỏe toàn diện cho người đi xuất khẩu lao động (không kể xét nghiệm, X-quang)                                                              | 468.000  |          |

*Tổng số: 05 danh mục*